

Bản án số: 21/2017/HNGĐ - ST

Ngày 01/9/2017

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Phụng.
2. Bà Triệu Thị Yên.

Thư ký Tòa án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2017/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1997; Hộ khẩu TT tại: Thôn Khuôn Pồng, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

* **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1992; Hộ khẩu TT tại: Thôn Khuôn Pồng, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2017 nguyên đơn Trần Thị N trình bày:

Chị Trần Thị N và anh Hoàng Văn C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 cho đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa theo Đăng ký kết hôn số 34 ngày 22/7/2016. Vợ chồng chị N và anh C chung sống tại thôn Khuôn Nhòa, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang một thời gian. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên uống rượu, nhiều lần đánh đập vợ. Xác định có lần anh C đánh chị N gây thương tích khiến chị N phải vào trạm y tế xã Trung Hà để điều

trị. Do đó vợ chồng chị N và anh C ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn C để giải phóng cuộc sống chung cho nhau.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 05/7/2016, hiện nay cháu T đang sống cùng chị N. Chị N đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: không có.

Tại nội dung bản tự khai, Biên bản hòa giải, chị N giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong nội dung đơn nêu trên và bổ sung yêu cầu về phân cấp dưỡng nuôi con, cụ thể yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng)/tháng.

Tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh C xác nhận về tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống, đăng ký kết hôn đúng như chị N đã nêu trên. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nên đã xảy ra xô sát, cãi vã, trong lúc nóng giận anh C đã đánh chị N từ đó vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 6/2017 đến nay. Tuy nhiên, anh C đã nhận thức được hành vi của mình là sai và mong muốn chị N cho cơ hội sửa đổi. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh C không nhất trí ly hôn với chị N. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 05/7/2016 hiện nay cháu T đang sống cùng chị N, anh C có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: đều không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Hoàng Văn C, bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Hoàng Văn C; về con chung: Giao cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 05/7/2016 (hiện nay cháu T đang sống cùng chị N) cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; Bác yêu cầu xin nuôi con của anh C; Về cấp dưỡng: Buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn; về tài sản chung và nợ chung:

Không có, không đề cập. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Hoàng Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Hoàng Văn C là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hà theo Đăng ký kết hôn số 34 ngày 22/7/2016. Mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh C phát sinh từ khoảng tháng 5/2017, nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu về chửi mắng, đánh đập vợ nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 5/2017 đến nay. Qua điều tra xác minh, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C là thực tế. Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được gồm Giấy chứng thương do Trạm y tế xã Trung Hà cấp, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Hoàng Văn C về hành vi xâm hại sức khỏe thành viên trong gia đình, Biên bản xác minh ngày 08/8/2017 của Tòa án lập, thấy rằng việc anh C có hành vi xâm phạm sức khỏe của chị N là thực tế. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện chị N và anh C đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, anh C không nhất trí ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn được đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng là không đúng thực tế, việc anh C không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ không phải xuất phát từ sự yêu thương quý trọng thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh C có 01 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 05/7/2016, hiện cháu T đang sống cùng chị N. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị N và anh C cùng đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 05/7/2016. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng)/tháng, anh C không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Hoàng Văn T hiện 13 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt và quyền lợi của cháu T nên cần giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Tuy nhiên anh C không có thu nhập ổn định và không xác định được mức thu nhập, quá trình xác minh tại địa phương mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông tại địa phương xã Trung Hà là 1.690.000đ/tháng/người. Do đó, cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 05/7/2016 cho chị Trần Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng)/tháng là

phù hợp. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tiến đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Hoàng Văn C phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị N. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Hoàng Văn C. Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 05/7/2016 cho chị Trần Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu T đang sống cùng chị N). Bác yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh Hoàng Văn C. Buộc anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*)/tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với bản án có hiệu lực pháp luật của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị N đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0002244 ngày 19/7/2017 nay được chuyển thành án phí (chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Anh Hoàng Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/9/2017)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Trung Hà (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Hạnh Quỳnh